

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2021/DS-ST**

Ngày: 30-6-2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đức Chung

Ông Hoàng Hữu Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Ông Lê Viết Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST-DS ngày 10/6/2021 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Lê S G, sinh năm 1940.

Địa chỉ thường trú: Số 669, Tổ X, ấp B, xã P, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp 1, xã P1, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1938.

Địa chỉ thường trú: Số 669, Tổ X, ấp B, xã P, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

(Ông G có mặt; Bà V, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê S G trình bày:

Vào ngày 20/01/2020 tôi có cho bà Nguyễn Thị V vay số tiền 42.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng đến 05 tháng bà V sẽ hoàn trả tiền cho tôi. Hai bên có

lập giấy Biên nhận vay nợ đề ngày 20/01/2020, tôi đã giao đủ cho bà V số tiền 42.000.000 đồng. Giấy vay nợ không có ghi lãi, nhưng thực tế các bên thỏa thuận lãi suất 5%/ tháng.

Tại phiên toà ông G xác định hợp đồng vay giữa các bên không có lãi. Từ ngày vay tiền đến nay bà V không trả nợ được bất cứ khoản nợ gốc và lãi nào cho ông G. Số tiền ông G cho bà V vay là tiền riêng của cá nhân ông G, không liên quan đến vợ ông là bà Nguyễn Thị T. Nay ông G khởi kiện yêu cầu bà V phải thanh toán cho ông G số tiền nợ gốc là 42.000.000 đồng, tiền lãi là 10.000.000 đồng. Tại phiên toà ông G rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần tiền lãi, chỉ yêu cầu bà V thanh toán số tiền nợ gốc là 42.000.000 đồng.

- Tại bản tự khai ngày 02/02/2021 bị đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Bà V có vay của ông Nguyễn S G 04 lần với tổng số tiền 20.000.000 đồng vào tháng 01/2020, thỏa thuận lãi suất mỗi tháng tôi đóng 2.000.000 đồng tiền lãi cho ông G. Đối với số tiền vay này tôi chưa thanh toán cho ông G được lần nào cả lãi lẫn gốc. Tôi xác nhận tôi có vay của ông G số tiền 20.000.000 đồng, ngoài ra tôi không vay của ông G số tiền nào khác.

Đối với giấy biên nhận vay nợ ngày 20/01/2020 ký tên Nguyễn Thị Vân đúng là chữ ký chữ viết của tôi. Theo giấy biên nhận vay nợ ghi số tiền 42.000.000 đồng đúng là do ông Lê S G viết ra và yêu cầu tôi ký tên, lý do trong giấy vay nợ ghi Nguyễn Thị Vân là do ông G tự ghi, tôi chỉ là người xác nhận nội dung giấy biên nhận và ký tên.

Việc tôi vay số tiền 20.000.000 đồng nhưng giấy biên nhận vay nợ ghi 42.000.000 đồng là do ông G yêu cầu tôi ký. Nay ông G yêu cầu khởi kiện tôi phải trả cho ông G số tiền nợ gốc 42.000.000 đồng và tiền lãi 10.000.000 đồng, tổng cộng là 52.000.000 đồng thì ý kiến của tôi là tôi đồng ý thanh toán nợ gốc 20.000.000 đồng, đồng ý thanh toán tiền lãi từ tháng 01/2020 đến nay trên số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng, tiền lãi thanh toán theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền vay nợ của ông G là do cá nhân tôi tự vay tiêu dùng, chồng tôi là Nguyễn Văn Thảo đã chết năm 2011. Khi vay nợ ông G tôi không có thể chấp tài sản hay cầm cố gì, tôi cũng không có làm giấy tờ gì đối với số tiền vay 20.000.000 đồng. Khi tôi vay của ông G thì không thỏa thuận thời gian thanh toán, trong giấy biên nhận ghi thời hạn 3 tháng đến 5 tháng là ông G tự ghi, tuy nhiên tôi có đọc và ký tên.

- Tại đơn trình bày đề ngày 10/3/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày: Số tiền bà V vay của ông G là tiền riêng của ông G tiết kiệm lại lo dưỡng già. Bà V có tới nhà hỏi vay số tiền 42.000.000 đồng. Số tiền của bà V vay là số tiền của ông G, tôi không có liên quan gì.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên toà:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê S G về việc buộc bà Nguyễn Thị V phải thanh toán số tiền nợ gốc 42.000.000 đồng là có cơ sở, nên chấp nhận. Đối với yêu cầu lãi, tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện, nên đình chỉ.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê S G được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà V, bà T.

Lời khai giữa nguyên đơn ông Lê S G và bị đơn bà Nguyễn Thị V có sự mâu thuẫn. Tòa án đã tiến hành mở phiên đối chất giữa ông G và bà V, nhưng bà V vắng mặt, nên không tiến hành đối chất được.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ từ quan hệ vay mượn tiền giữa hai bên, nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Nguyên đơn ông Lê S G khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị V phải thanh toán cho ông số tiền 42.000.000 đồng nợ gốc và lãi 10.000.000 đồng, tổng cộng là 52.000.000 đồng, xuất phát từ giao dịch vay tài sản giữa hai bên.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình ông G có cung cấp Giấy biên nhận vay nợ đề ngày 20/01/2020 ghi tên người vay là Nguyễn Thị Vân; trong đó có thể hiện nội dung “*Tôi tên Nguyễn Thị Vân có đến nhà ông Lê S G vay số tiền là 42.000.000 đồng, hẹn 3 - 5 tháng sau hoàn trả, tôi đã nhận đủ số tiền trên, cam kết tháng 3 - 4 bán nhà sẽ thanh toán cho ông G*”.

Bị đơn bà Nguyễn Thị V trình bày giấy biên nhận vay nợ mà ông G cung cấp, chữ ký Nguyễn Thị Vân chính là chữ ký của bà. Tên Nguyễn Thị Vân trong giấy vay này chính là bà, bà V cũng xác định bà đã đọc và ký tên vào giấy biên nhận vay tiền này. Như vậy giao dịch vay tài sản giữa ông Lê S G và bà Nguyễn Thị V vào ngày 20/01/2020 là có thật.

Tại mặt sau của Giấy biên nhận vay nợ này cũng có thể hiện nội dung bà Nguyễn Thị Vân vay của ông G số tiền 42.000.000 đồng đề ngày 10/3/2019, tại

phiên toà ông G khai, nội dung này là nháp do ông tự ghi, tự ký không liên quan gì đến khoản vay ngày 20/01/2020 giữa ông với bà V, ông không yêu cầu gì. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Bị đơn bà Nguyễn Thị V thừa nhận có vay tiền ông G, nhưng chỉ vay với số tiền 20.000.000 đồng, chứ không vay số tiền 42.000.000 đồng theo giấy biên nhận vay tiền ghi. Tuy nhiên bà V không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh bà chỉ vay ông G số tiền 20.000.000 đồng chứ không phải 42.000.000 đồng. Mặt khác bà V cũng xác định khi ký vào giấy biên nhận vay số tiền 42.000.000 đồng bà đã đọc và ký, như vậy bà V đã biết rõ nội dung bà vay của ông G số tiền 42.000.000 đồng và trong giấy biên nhận vay nợ cũng đã thể hiện rõ nội dung “tôi đã nhận đủ 1 số tiền trên”.

Về thời hạn vay: Theo giấy biên nhận vay nợ đề ngày 20/01/2020 có thể hiện nội dung “hẹn 3 – 5 tháng sau sẽ hoàn trả”. Như vậy, xác định hợp đồng vay tài sản này là hợp đồng vay có kỳ hạn, thời điểm cuối cùng (05 tháng) là ngày 20/5/2020.

Về lãi: Trong giấy biên nhận vay nợ không có nội dung về lãi, tại phiên toà nguyên đơn cũng xác định là hợp đồng vay không lãi.

Như vậy, xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi. Ngày 31/12/2020 ông G khởi kiện là đủ điều kiện khởi kiện.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định vào ngày 20/01/2020 bà Nguyễn Thị V có vay của ông Lê S G số tiền 42.000.000 đồng, theo giấy biên nhận vay nợ đề ngày 20/01/2020. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông G về việc buộc bà V trả cho ông G số tiền nợ gốc 42.000.000 đồng.

Đối với việc trả lãi: Tại phiên toà nguyên đơn ông Lê S G rút yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất nên Hội đồng xét xử đình chỉ.

[4] Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông G được chấp nhận

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê S G về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bà Nguyễn Thị V.

Buộc bà Nguyễn Thị V phải thanh toán cho ông Lê S G số tiền nợ gốc 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lê S G về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị V phải thanh toán số tiền lãi 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), do ông G rút yêu cầu khởi kiện.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Nguyễn Thị V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thủy được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- Lưu HS,VP,TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Quyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lưu Đức Chung

Hoàng Hữu Minh

Phạm Ngọc Quyền

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- Lưu.

Phạm Ngọc Quyền

